

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2026/DS-PT  
Ngày: 09 - 3 - 2026  
“V/v tranh chấp QSD đất về ranh đất  
Và tài sản gắn liền với đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thành Trung**

Bà **Nguyễn Thị Tư**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Thanh Hưng** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà **Trần Thị Pho**  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 877/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất về ranh đất và tài sản gắn liền với đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

3.2. Anh Đặng Văn Ngọc T (Đặng Văn T), sinh năm 1980 (Có mặt).

3.3. Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1981 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H1, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2024 của nguyên đơn là bà Đặng Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Diện tích đất 1.449,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 764, tờ bản đồ số 7 loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long) được UBND huyện C (trước sáp nhập) cấp quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị H đứng tên ngày 27/8/2010. Nguồn gốc đất là của bà Trần Thị V (chết) bà V chuyển sang ông Đặng Văn H2 (chết) là chồng bà V, sau đó ông H2 chuyển nhượng cho bà Đặng Thị H. Quá trình cấp quyền sử dụng đất có cắm trụ đá làm ranh, phía gia đình bà H có cho người em rể tên Y sử dụng nuôi tôm được 2-3 năm rồi trả lại cho bà H sau khi trả lại cho bà H, phần đất bỏ trống không ai sử dụng. Giáp với đất của bà H là thửa đất số 2603 diện tích 2.083m<sup>2</sup> do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất, quá trình bà H1 sử dụng đất có trồng dừa lấn sang phần đất của bà H diện tích 75,6m<sup>2</sup>. Nay bà Đặng Thị H yêu cầu Toà án giải quyết buộc gia đình bà Nguyễn Thị H1, anh Đặng Văn T (Đặng Văn N Trên) và anh Đặng Văn T1 di dời 02 cây dừa 13 năm tuổi, 01 cây sanh 17 năm tuổi, 01 cây quách 17 năm tuổi trả lại diện tích đất lấn chiếm 75,6m<sup>2</sup> trong diện tích 1.449,6m<sup>2</sup> thửa 764, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do bà H đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì khác.

*Tại các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Phần đất của bà Đặng Thị H3 là thửa số 2603, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.083m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 14/7/2023 phần đất này của mẹ chồng bà H1 là Trần Thị V đứng tên, sau khi bà V chết thì để lại cho cha chồng bà H1 là ông Đặng Văn H2 đứng tên quyền sử dụng đất nhưng gia đình bà H1 đã quản lý sử dụng hơn 40 năm nhưng do bà V đứng tên quyền sử dụng đất, năm 2006 ông H2 tách ra cho mỗi người con một phần trong đó bà H1 được hưởng diện tích 3.397m<sup>2</sup> và bà H1 được đứng tên quyền sử dụng đất, đến năm 2011 bà H1 tách ra cho các con gồm anh T, chị L hiện phần diện tích đất của bà H1 còn lại là 2.083m<sup>2</sup>. Phần diện tích này giáp thửa 764 của bà

Đặng Thị H có trụ ranh, khi bà H vét hồ trụ ranh cũng không còn nên bà H1 trồng dừa để làm ranh. Nay bà Đặng Thị H yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị H1, anh Đặng Văn T (Đặng Văn N Trên) và anh Đặng Văn T1 di dời 02 cây dừa 13 năm tuổi, 01 cây sanh 17 năm tuổi, 01 cây quách 17 năm tuổi trả lại diện tích đất lấn chiếm 75,6m<sup>2</sup> trong diện tích 1.449,6m<sup>2</sup> thửa 764, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do bà H đứng tên quyền sử dụng đất thì bà H1 không đồng ý. Ngoài ra, bà H1 không yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ thống nhất theo lời trình bày của bà H không bổ sung gì thêm.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:* Anh Đặng Văn T (Đặng Văn N Trên) và anh Đặng Văn T1 thống nhất như lời trình bày của bà H1 không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, 157, 165, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật dân sự; các Điều 95, 99, 100, 166; 167, 170 Luật đất đai 2013; các Điều 23, 25, 26, 27, 31 Luật đất đai 2024; điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H:

Bà Đặng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ được tiếp tục sử dụng diện tích 75,6m<sup>2</sup> (được ký hiệu là B) thuộc thửa 764, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.449,6m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do bà Đặng Thị H đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 27/8/2010.

Buộc bà Nguyễn Thị H1, anh Đặng Văn T (Đặng Văn N Trên) và anh Đặng Văn T1 phải trả lại diện tích 75,6m<sup>2</sup> (được ký hiệu là B) thuộc thửa 764, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.449,6m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do bà Đặng Thị H đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 27/8/2010.

*(Phần diện tích đất 75,6m<sup>2</sup> (ký hiệu là B) thuộc thửa 764, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.449,6 m<sup>2</sup> có từ cận theo trích lục bản đồ địa chính kèm theo Công văn số 306/CV-CNHCN ngày 31/12/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C (nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực A - Vĩnh Long).*

Đối với phần diện tích đất được ký hiệu là A có diện tích 21,3m<sup>2</sup> và phần diện tích đất được ký hiệu là A3 có diện tích là 17m<sup>2</sup> cùng nằm trong thửa 2603 thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị H1 do bà Đặng Thị H đang quản lý sử dụng. Quá trình giải quyết bà H và bà H1 thống nhất ranh không ai tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần diện tích đất được ký hiệu là A có diện tích 21,3m<sup>2</sup> và phần diện tích đất được ký hiệu là A3 có diện tích là 17m<sup>2</sup> nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với phần diện tích đất được ký hiệu là B2 có diện tích là 6,8m<sup>2</sup> nằm trong thửa 764 thuộc quyền sử dụng của bà H, quá trình giải quyết phía bà H không tranh chấp, không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

Công nhận cho bà Đặng Thị H được quyền quản lý sử dụng 02 cây dừa, 01 cây sanh và 04 cây dừa 05 năm tuổi và 01 cây dừa 02 năm tuổi (tự mọc). Buộc bà Đặng Thị H phải trả giá trị cây cho bà H1 số tiền là 6.810.000 đồng (02 cây dừa 13 năm tuổi có giá 1.820.000 đồng x 02 = 3.640.000 đồng; 01 cây sanh 17 năm tuổi có giá 1.250.000 đồng và 01 cây quách có giá là 1.920.000 đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 25/11/2025 bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 65/2025/DSST ngày 10/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 25/11/2025 của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Bà Đặng Thị H được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/8/2010 thửa đất số 764, tờ bản đồ số 7, diện tích 1449,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác, địa chỉ xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Nguyễn Thị H1 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2023 thửa đất số 2603, tờ bản đồ số 7, diện tích 2083m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Theo tư liệu năm 1995, nguồn gốc đất tranh chấp là thuộc thửa đất số 764 diện tích 8270m<sup>2</sup>, loại đất cây ăn quả, tọa lạc ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Trần Thị V năm 1996. Tháng 01/2006 hộ ông Đặng Văn H2 nhận thừa kế từ hộ bà Trần Thị V thửa đất số 764. Tháng 11/2006, bà Nguyễn Thị H1 nhận chuyển nhượng từ hộ ông Đặng Văn H2 thửa đất số 2241 (chiết từ thửa 764) diện tích 3397m<sup>2</sup>; Năm 2007, bà Đặng Thị H nhận chuyển nhượng từ hộ ông Đặng Văn H2 thửa đất số 764, diện tích 1652m<sup>2</sup>. Năm 2011 Nhà nước thu hồi 361m<sup>2</sup> để nâng cấp Quốc lộ E, diện tích còn lại của thửa 2241 là 3036m<sup>2</sup>. Năm 2011, bà Nguyễn Thị H1 tặng cho bà Đặng Thị Ngọc T2 diện tích 418m<sup>2</sup>, tặng cho bà Đặng Thị Ngọc L diện tích 266m<sup>2</sup> (chiết từ thửa 2241); năm 2023, bà H1 tặng cho ông Đặng Văn N Trên diện tích 333,7m<sup>2</sup> (chiết thửa 2241). Phần đất còn lại thửa 2241, bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 2603, tờ bản đồ số 7, diện tích 2083m<sup>2</sup>. Ông H2, bà V là cha mẹ ruột của bà Đặng Thị H và là cha mẹ chồng của bà Nguyễn Thị H1.

Thửa đất số 764 và thửa đất số 2603 giáp nhau, quá trình sử dụng bà H cho rằng bà H1 lấn sang phần đất của bà nên phát sinh tranh chấp. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất phần đất tranh chấp là phần (B) diện tích 75,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 7, theo sơ đồ khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1.

Tại cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị H1 trình bày bà được cha mẹ chồng cho đất để sử dụng nhưng đất vẫn do cha mẹ chồng đứng tên thửa đất số 764 diện tích 8.270m<sup>2</sup>, bà sử dụng cả phần đất của bà Đặng Thị H, sau khi mẹ chồng chết thì cha chồng đứng tên thửa đất số 764, sau đó cha chồng tách thửa đất số 764 cho các con mỗi người một phần theo hình thức chuyển nhượng, phần đất

bà H nhận chuyển nhượng năm 2007 có một phần diện tích bà H1 đã sử dụng trước đó. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả đo đạc thì tổng diện tích thửa 2603 gồm phần A diện tích 21,3m<sup>2</sup>; A1 diện tích 1.756,4m<sup>2</sup>; A2 diện tích 27,8m<sup>2</sup>; A3 diện tích 17m<sup>2</sup>; A4 diện tích 260,5m<sup>2</sup> thì tổng diện tích là 2.083m<sup>2</sup>, là bằng diện tích thửa đất số 2603 bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2023. Tại Công văn số 306/CV-CNHCN ngày 31/12/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C (nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực A - Vĩnh Long) thể hiện: Đối với phần diện đất được ký hiệu là B có diện tích 75,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 764, tờ bản đồ số 7, theo tư liệu đo đạc năm 1995 được chỉnh lý năm 2019 thuộc quyền sử dụng của bà Đặng Thị H. Do đó, bà H1 cho rằng phần diện tích tranh chấp ký hiệu B diện tích 75,6m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Mặt khác, quá trình sử dụng đất, bà H1 đã tách thửa cho các con vào năm 2011 và năm 2023 thì bà H1 cũng không có khiếu nại đối với phần đất đang tranh chấp.

Từ những căn cứ trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H và giải quyết phần cây trồng trên đất là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 10/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 10/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, 157, 165, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật dân sự; các Điều 95, 99, 100, 166; 167, 170 Luật đất đai 2013; các Điều 23, 25, 26, 27, 31 Luật đất đai 2024; điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H:

Bà Đặng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng diện tích 75,6m<sup>2</sup> (được ký hiệu là B) thuộc thửa 764, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.449,6m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do bà Đặng Thị H đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 27/8/2010.

Buộc bà Nguyễn Thị H1, anh Đặng Văn T (Đặng Văn N Trên) và anh Đặng Văn T1 phải trả lại diện tích 75,6m<sup>2</sup> (được ký hiệu là B) thuộc thửa 764, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.449,6m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long) do bà Đặng Thị H đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 27/8/2010.

*(Phần diện tích đất 75,6m<sup>2</sup> (ký hiệu là B) thuộc thửa 764, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.449,6 m<sup>2</sup> có từ cận theo trích lục bản đồ địa chính kèm theo Công văn số 306/CV-CNHCN ngày 31/12/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C (nay là Văn phòng đăng ký đất đai khu vực A - Vĩnh Long).*

Đối với phần diện tích đất được ký hiệu là A có diện tích 21,3m<sup>2</sup> và phần diện tích đất được ký hiệu là A3 có diện tích là 17m<sup>2</sup> cùng nằm trong thửa 2603 thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị H1 do bà Đặng Thị H đang quản lý sử dụng. Quá trình giải quyết bà H và bà H1 thống nhất ranh không ai tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần diện tích đất được ký hiệu là A có diện tích 21,3m<sup>2</sup> và phần diện tích đất được ký hiệu là A3 có diện tích là 17m<sup>2</sup> nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với phần diện tích đất được ký hiệu là B2 có diện tích là 6,8m<sup>2</sup> nằm trong thửa 764 thuộc quyền sử dụng của bà H, quá trình giải quyết phía bà H không tranh chấp, không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

Công nhận cho bà Đặng Thị H được quyền quản lý sử dụng 02 cây dừa, 01 cây sanh và 04 cây dừa 05 năm tuổi và 01 cây dừa 02 năm tuổi (tự mọc). Buộc bà Đặng Thị H phải trả giá trị cây cho bà H1 số tiền là 6.810.000 đồng (02 cây dừa 13 năm tuổi có giá 1.820.000 đồng x 02 = 3.640.000 đồng; 01 cây sanh 17 năm tuổi có giá 1.250.000 đồng và 01 cây quách có giá là 1.920.000 đồng).

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được thay đổi đất và các tài sản trên đất dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H1.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Tòa phúc thẩm TANDTC  
Tại thành phố Hồ Chí Minh: 01;

- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;  
- Chánh án: 01;  
- TAND khu vực 13: 01;  
- Phòng THADS khu vực 13: 01;  
- Các đương sự;  
- Lưu: 06;

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Dũng**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tư**

**Lê Thành Trung**

**Nguyễn Văn Dũng**





